

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG KHÊ
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, xác
định cha con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngạch; ông Trịnh Xuân Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Bích Khuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/7/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, xác định cha con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-DS ngày 12/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H; sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 3 Dốc Đ, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Anh Thái Văn L; sinh năm: 1988; địa chỉ: Xóm 8, xã P, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Bùi Văn T; sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 3 Dốc Đ, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2023, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Thái Văn L đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/2009 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 9

năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, lí do mâu thuẫn là do anh L đi làm ăn xa, mỗi người một nơi nên không có tiếng nói chung, anh L không chăm lo cho gia đình, vợ con. Từ khi xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải, khuyên nhủ đoàn tụ, chị cũng đã cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị không thể chịu đựng được thêm nữa nên đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân nhau, anh L và chị đã cắt đứt mọi quan hệ, không còn tình cảm với nhau. Nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thái Văn L.

Về con chung: Chị và anh L có 2 con chung, con thứ nhất tên là Thái Ngọc Yến L, sinh ngày 26/7/2011, hiện nay do anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; con thứ hai tên là Thái Ngọc Đoan T, sinh ngày 12/9/2015, hiện nay do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì chị đề nghị Tòa án cho chị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thái Ngọc Đoan T, còn giao cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thái Ngọc Yến L, cho đến khi con trưởng thành. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về yêu cầu xác định cha, con: Từ năm 2020 đến nay, chị có quan hệ tình cảm với anh Bùi Văn T và chị với anh T có sinh 1 người con chung vào ngày 13/01/2022 tại Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí, theo giấy chứng sinh số 21014646, ngày 13/01/2022, giới tính nam, tên khai sinh dự kiến là Bùi Minh K. Do đó, chị đề nghị Tòa án xác định người con trai do chị sinh ra vào ngày 13/01/2022 tại Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí không phải là con chung của anh Thái Văn L trong thời kỳ hôn nhân, mà xác định anh Bùi Văn T là cha đẻ của đứa con trên.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Bản sao trích lục kết hôn, căn cước công dân, giấy khai sinh của các con; giấy chứng sinh; giấy ra viện; giấy chứng nhận phẫu thuật; bản tự khai của chị Hà; bản trình bày của các con; đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Bị đơn anh Thái Văn L: Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định và anh L đã biết Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án nhưng anh L không có ý kiến trình bày và không có mặt tại Tòa án để làm việc.

Tòa án tiến hành làm việc với Công an xã P, huyện Hương Khê để xác minh về nơi cư trú của bị đơn anh Thái Văn L. Tại biên bản làm việc ngày 22/8/2023, ông Nguyễn Xuân H - Trưởng Công an xã P cung cấp thông tin: Công dân Thái Văn L, sinh ngày 25/6/1988; số định danh cá nhân 042088006182, là công dân của địa phương, hiện nay có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại là thôn 8, xã P, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

Cùng ngày, Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương về trực tiếp tại nhà anh Thái Văn L để lấy lời khai nhưng anh L không có mặt nên không lấy lời khai trực tiếp được. Ông Thái Văn T1 (bố đẻ anh L) cung cấp số điện thoại của anh L là 0332934944, Tòa án đã liên lạc và anh L trình bày: Anh biết việc Tòa án thụ lý giải quyết ly hôn theo đơn khởi kiện của chị H nhưng do anh bận đi làm ăn, không có thời gian đến Tòa án làm việc. Anh và chị H có mối quan hệ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn nhưng trong quá trình chung sống giữa vợ chồng anh và chị H có nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, sống ly thân nhau, chị H đã có con riêng với người đàn ông khác. Nay chị H xin ly hôn, do tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã ly thân từ lâu nên anh đồng ý ly hôn với chị H. Về con chung, anh khẳng định giữa anh và chị H có 2 người con chung tên là Thái Ngọc Yến L và Thái Ngọc Đoan T, vì lâu nay cháu Yến L sinh sống ổn định cùng với anh nên khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Thái Ngọc Yến L, đồng ý nhường quyền nuôi con tên là Thái Ngọc Đoan T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về con riêng, anh khẳng định anh và chị H sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay, từ đó đến nay chấm dứt mọi mối quan hệ, do đó đề nghị Tòa án xác định người con mà chị H sinh ra vào ngày 13/01/2022 không phải là con của anh. Về tài sản chung, anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 04/8/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn T trình bày: Anh và chị H có mối quan hệ tình cảm, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020 và đến ngày 13/01/2022 thì chị H sinh con cho anh. Do đó, anh đề nghị Tòa án xác định anh là cha đẻ của đứa con, có tên khai sinh dự kiến là Bùi Minh K, do chị H sinh ra vào ngày 13/01/2022 tại Bệnh viện Việt Nam - Thủy Điện Ung Bí.

Ý kiến trình bày nguyện vọng của các con chung trên 7 tuổi: Nếu bố mẹ ly hôn, cháu Thái Ngọc Yến L, sinh ngày 26/7/2011, có nguyện vọng ở cùng với bố; còn cháu Thái Ngọc Đoan T, sinh ngày 12/9/2015, có nguyện vọng ở cùng với mẹ.

Ngày 31/7/2023, Tòa án ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 289/2023/QĐ-TCGD để thực hiện giám định quan hệ huyết thống giữa anh Bùi Văn T với người con do chị Nguyễn Thị Thu H sinh ra vào ngày 13/01/2022 tại Bệnh viện Việt Nam - Thủy Điện Ung Bí (tên khai sinh dự kiến là Bùi Minh K). Tại Kết quả xét nghiệm ADN số 4485H/2023 ngày 10/8/2023 của Công ty TNHH Công nghệ Di truyền NOVAGEN, kết luận: Anh Bùi Văn T có quan hệ huyết thống bố - con với Bùi Minh K, độ tin cậy trên 99,999999%.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn anh L không có mặt, nguyên đơn chị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do đó vụ án không tiến hành hòa giải được, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn không phối hợp thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về ý kiến giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đối chiếu với các quy định của pháp luật có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Thái Văn L; về con chung, đề nghị xác định chị H và anh L có 2 con chung tên là Thái Ngọc Yến L, sinh ngày 26/7/2011 và Thái Ngọc Đoan T, sinh ngày 12/9/2015 và giao cháu Thái Ngọc Yến L cho anh L nuôi dưỡng, giao cháu Thái Ngọc Đoan T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết; về tài sản chung, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về xác định cha, con, đề nghị xác định anh Bùi Văn T là cha đẻ của người con do chị Nguyễn Thị Thu H sinh ra vào ngày 13/01/2022 tại Bệnh viện Việt Nam - Thủy Điện Uông Bí. Ngoài ra, về án phí đề nghị buộc nguyên đơn chị H phải chịu án phí ly hôn; miễn án phí xác định cha, con cho chị H theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hương Khê giải quyết ly hôn và xác định cha con quy định tại khoản 1, 4 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã P, huyện Hương Khê nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo hòa giải cho các bên đương sự nhưng bị đơn anh L không có mặt tại các buổi hòa giải, nguyên đơn chị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1, 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh L nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Do đó, Tòa án

tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Thái Văn L và chị Nguyễn Thị Thu H trên cơ sở tự do, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy đăng ký kết hôn số 153/2009 ngày 20/11/2009, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, từ đầu năm 2019 chị H và anh L có nảy sinh mâu thuẫn, lí do mâu thuẫn là vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh L đi làm ăn xa, không còn quan tâm thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng căng thẳng và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay, nay chị H không còn tình cảm vợ chồng nên xin ly hôn anh L. Quá trình giải quyết vụ án anh L không có mặt tại Tòa án tham gia hòa giải, nhưng anh L thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn không thể hòa giải, chị H đã có con riêng với người khác và đồng ý ly hôn với chị H. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh L và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh L.

[2.2] Về con chung: Anh L và chị H có 2 con chung tên là Thái Ngọc Yến L, sinh ngày 26/7/2011, hiện đang học lớp 7A4 trường Trung học cơ sở M, Quận H, Thành phố Hà Nội và Thái Ngọc Đoan T, sinh ngày 12/9/2015, hiện đang học lớp 3A1 trường Tiểu học P, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Sau ly hôn, ý kiến hai bên đều thống nhất giao cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Thái Ngọc Đoan T và giao cho anh L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thái Ngọc Yến L. Xét thấy ý kiến của các đương sự hoàn toàn chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của các con và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đoan T và giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Yến L, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Anh L, chị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản và có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con sau khi hôn theo quy định.

[2.3] Về yêu cầu xác định cha, con: Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh T đều trình bày thống nhất đưa con do chị H sinh ra vào ngày 13/01/2022 tại Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí là con chung của chị H, anh T; anh L cũng khẳng định người con do chị H sinh ra vào ngày 13/01/2022 không phải là con đẻ của anh L. Đồng thời, căn cứ kết quả xét nghiệm AND số 4485H/2023 ngày 10/8/2023 của Công ty TNHH Công nghệ Di truyền NOVAGEN, kết luận anh Bùi Văn T có quan hệ huyết thống bố - con với cháu Bùi Minh K (tên dự kiến khai sinh), với độ tin cậy trên 99,99%. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh T, xác định

người con do chị H sinh ra vào ngày 13/01/2022 không phải là con chung trong thời kỳ hôn nhân với anh Thái Văn L, mà xác định anh Bùi Văn T là cha đẻ của đứa con trên.

[2.4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và miễn án phí xác định cha, con cho chị Hà theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 88, Điều 89, Điều 91, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, 4 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Thái Văn L.

2. Về con chung: Giao cho anh Thái Văn L trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Thái Ngọc Yến L, sinh ngày 26/7/2011, cho đến khi con đủ 18 tuổi; giao cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Thái Ngọc Đoan T, sinh ngày 12/9/2015, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L, chị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định pháp luật.

3. Về xác định cha, con:

3.1 Xác định đứa con do chị Nguyễn Thị Thu H sinh ra vào ngày 13/01/2022 tại Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí, theo giấy chứng sinh số 21014646, ngày 13/01/2022 của Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí, không phải là con chung với anh Thái Văn L trong thời kỳ hôn nhân.

3.2. Xác định anh Bùi Văn T là cha của đứa con do chị Nguyễn Thị Thu H sinh ra vào ngày 13/01/2022 tại Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí, theo giấy chứng sinh số 21014646, ngày 13/01/2022 của Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007930 ngày 12/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê, nay không phải nộp nữa. Miễn án phí xác định cha, con cho chị H.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu H, anh Bùi Văn T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Thái Văn L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Khê;
- UBND xã P;
- Chi cục THADS Hương Khê;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng